

Phụ lục I

Appendix I

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

CHANGE IN PERSONEL

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc

Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No.31/QĐ-HĐTV dated 31/03/2026 by the Board of Members of Vietnam Exchange on the amendments and supplements to the Information Disclosure Regulation of the Vietnam Exchange and its subsidiaries, issued with Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021 by the CEO of the Vietnam Exchange)

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN
VIỆT NAM
VIET NAM OCEAN SHIPPING
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 270 /VOSCO-KHTH

Hải Phòng, ngày 15 tháng 5 năm 2026
Hai Phong, 15 May 2026

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

CHANGE IN PERSONEL

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*

- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2026 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam như sau:

Based on Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 06/NQ-ĐHĐCĐ dated 15/05/2026 of Viet Nam Ocean Shipping Joint Stock Company, we would like to announce the changes in personnel of Viet Nam Ocean Shipping Joint Stock Company as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/ Incase of appointment (*):

1. Ông (bà)/ Mr./Ms: **Nguyễn Quang Dũng**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ Former position in the organization: Không có/ No

- Chức vụ được bổ nhiệm/ Newly appointed position: Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors

- Thời hạn bổ nhiệm/Term: từ 15/05/2026/ From May 15, 2026

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 15/05/2026

2. Ông (bà)/ Mr./Ms: **Nguyễn Tuấn Anh**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ Former position in the organization: Không có/ No
- Chức vụ được bổ nhiệm/ Newly appointed position: Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors
- Thời hạn bổ nhiệm/Term: từ 15/05/2026/ From May 15, 2026
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 15/05/2026

3. Ông (bà)/ Mr./Ms: **Nguyễn Đình Tú**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ Former position in the organization: Không có/ No
- Chức vụ được bổ nhiệm/ Newly appointed position: Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors
- Thời hạn bổ nhiệm/Term: từ 15/05/2026/ From May 15, 2026
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 15/05/2026

4. Ông (bà)/ Mr./Ms: **Mai Lê Lợi**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ Former position in the organization: Không có/ No
- Chức vụ được bổ nhiệm/ Newly appointed position: Thành viên HĐQT độc lập/ Independent member of Board of Directors
- Thời hạn bổ nhiệm/Term: từ 15/05/2026/ From May 15, 2026
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 15/05/2026

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/Incase of dismissal/resignation:

1. Ông (bà)/ Mr./Ms: **Trần Thị Kiều Oanh**

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ Former position in the organization: Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors
- Chức vụ còn nắm giữ: Không có/Sau khi miễn nhiệm, Ông (bà) **Trần Thị Kiều Oanh** không còn là người nội bộ của công ty/Current position: No /After the dismissal/resignation, Mr. /Ms. **Trần Thị Kiều Oanh** is no longer an internal person of the company.
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any): Do cần tập trung vào công việc chuyên môn tại Ban Tổ chức Nhân sự và các công việc được giao khác. /Due to the requirement to focus on professional duties at the Human Resources Department and other assigned tasks
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 15/05/2026

2. Ông (bà)/ Mr./Ms: **Nguyễn Thị Thu Hoài**

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ Former position in the organization: Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors

- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: Thành viên HĐQT/
Member of Board of Directors

- Chức vụ còn nắm giữ: Không có/Sau khi miễn nhiệm, Ông (bà) **Nguyễn Thị Thu Hoài** không còn là người nội bộ của công ty/Current position: No /After the dismissal/resignation, Mr. /Ms. **Nguyễn Thị Thu Hoài** is no longer an internal person of the company.

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any): Do đã chấm dứt hợp đồng lao động tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP kể từ ngày 31/01/2026. / Due to the termination of my labor contract at Vietnam Maritime Corporation - JSC as of January 31, 2026.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 15/05/2026

3. Ông (bà)/ Mr./Ms: **Lê Duy Dương**

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ Former position in the organization: Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors

- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: Thành viên HĐQT/
Member of Board of Directors

- Chức vụ còn nắm giữ: Không có/Sau khi miễn nhiệm, Ông (bà) **Lê Duy Dương** không còn là người nội bộ của công ty/Current position: No /After the dismissal/resignation, Mr. /Ms. **Lê Duy Dương** is no longer an internal person of the company.

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any): Do cần tập trung vào công việc chuyên môn tại Ban Tài chính Kế toán và các công việc được giao khác. /Due to the requirement to focus on professional duties at the Finance and Accounting Department and other assigned tasks.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 15/05/2026

4. Ông (bà)/ Mr./Ms: **Nguyễn Trung Hiếu**

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ Former position in the organization: Thành viên HĐQT độc lập/ Independent member of Board of Directors

- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: Thành viên HĐQT độc lập/ Independent member of Board of Directors

- Chức vụ còn nắm giữ: Không có/Sau khi miễn nhiệm, Ông (bà) **Nguyễn Trung Hiếu** không còn là người nội bộ của công ty/Current position: No /After the dismissal/resignation, Mr. /Ms. **Nguyễn Trung Hiếu** is no longer an internal person of the company.

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any): Do cần tập trung vào công việc chuyên môn tại Công ty Vận tải biển VIMC Shipping và các công việc được giao khác. /Due to the requirement to focus on professional duties at VIMC Shipping and other assigned tasks

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 15/05/2026

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/05/2026 tại đường dẫn: <https://www.vosco.vn> / *The information was pulished on the Company's website on 15/05/2026 as in the link: <http://www.vosco.vn>.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2026/ *Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 06/NQ-ĐHĐCĐ dated 15/05/2026.*
- Bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Information Disclosure Form as Appendix III issued with Circular No. 96/TT-BTC

**NGƯỜI UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE OFFICER**



Vũ Trường Thọ



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Số 215 Lạch Tray, P.Gia Viên, TP.Hải Phòng
Tel: 0225.3731033/3731090; Fax: 0225.3731007
E-mail: pid@vosco.vn; Website: www.vosco.vn

Mã số doanh nghiệp số 0200106490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/01/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 05/8/2025

Số: 06/NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 15 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ngày 15/5/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026 và Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2025.

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025, Báo cáo Tài chính năm 2026 đã được kiểm toán. Theo đó, một số chỉ tiêu chính như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2024 | KH 2025 | Năm 2025 | So sánh DK 2025 với (%) | |
|-----|-----------------------------|-----------|----------|---------|----------|-------------------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | TH 2024 | KH 2025 |
| 1 | Sản lượng vận chuyển | 1.000T | 6.456 | 7.500 | 6.790 | 105,17 | 90,53 |
| | Sản lượng luân chuyển | Triệu Tkm | 20.656 | 20.135 | 25.026 | 121,15 | 124,29 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 6.050 | 6.000 | 3.485 | 57,60 | 58,08 |
| | Trong đó, doanh thu vận tải | Tỷ đồng | 2.152 | 1.979 | 2.108 | 97,96 | 106,51 |
| | Doanh thu thương mại | Tỷ đồng | 3.399 | 3.800 | 983 | 29,00 | 25,87 |
| 3 | LN trước thuế | Tỷ đồng | 418 | 376 | 380,85 | 91,11 | 101,19 |

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

| STT | Chỉ tiêu | Giá trị (tỷ đồng) |
|-----|----------------------|-------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 3.907 |
| 2 | Vốn điều lệ | 1.400 |
| 3 | Vốn chủ sở hữu | 2.116 |
| 4 | Tổng doanh thu | 3.485 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 381 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 305 |

Về hoạt động đầu tư/thanh lý tài sản

- Mua 03 tàu hàng rời là Vosco Starlight, Vosco Sunlight, Vosco Jubilant. Đã tiếp nhận 02 tàu dầu hoá chất (Đại Hưng, Đại Vinh) và 02 tàu hàng rời cỡ supramax theo hình thức thuê tàu trần (Vosco Prosper, Vosco Defender).

- Công ty đã tích cực tìm kiếm, đánh giá để đầu tư tàu dầu sản phẩm cỡ MR, tàu container cỡ khoảng 1.000 – 2.000 teus.

- Đã làm việc với nhiều đối tác trong và ngoài nước, các công ty leasing của Hongkong, Trung Quốc, Malaysia... để hợp tác theo hình thức đối tác đầu tư mua tàu và cho VOSCO thuê lại theo hình thức thuê tàu trần với thời hạn dài.

Về hoạt động thanh lý: đã bán tàu Vosco Star và Vosco Unity.

Kế hoạch đầu tư/thanh lý tàu còn đang thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025

- Đóng mới và/hoặc mua resale và/hoặc mua lại 04 tàu dầu sản phẩm cỡ MR đã qua sử dụng dưới 08 tuổi, trọng tải khoảng 50.000 DWT, giá ≤ 52 triệu USD/tàu: *Công ty đang giao dịch đóng mới 2 tàu dầu sản phẩm cỡ MR tại Hàn Quốc, dự kiến nhận tàu quý 2 và quý 3 năm 2028*

- Mua 01 - 02 tàu container đã qua sử dụng, sức chở khoảng 1.000 Teus, dưới 15 tuổi với giá ≤ 20 triệu USD/tàu: *Công ty đang tìm kiếm, lựa chọn tàu phù hợp.*

- Đóng mới và/hoặc mua resale và/hoặc mua lại 04 tàu hàng rời cỡ Ultramax đã qua sử dụng dưới 10 tuổi, trọng tải khoảng 62.000 – 66.000 DWT, giá ≤ 40 triệu USD/tàu: *Giá tàu cỡ Ultramax đang ở mức khá cao nên Công ty đang cân nhắc, đánh giá về dòng tiền, về giá tàu để lựa chọn tàu và thời điểm phù hợp.*

- Đề chủ động trong hoạt động khai thác tàu container, Công ty dự kiến sẽ đầu tư thêm khoảng 700 vỏ 20' và 900 vỏ 40': *Trong năm, Công ty chưa đầu tư thêm tàu container nên số lượng vỏ thiếu hụt đã được bù đắp thông qua việc thuê. Việc đầu tư vỏ sẽ được cân nhắc khi tiến hành đầu tư thêm tàu container.*

Phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư các tàu nêu trên sang năm 2026 (thời gian thực hiện tới trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2027)

Công ty đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng, các công ty leasing trong và ngoài nước để có thể tiếp cận được nguồn vốn phù hợp để thực hiện các dự án này.

- Về việc xem xét thanh lý 02 tàu container trong năm 2025 hoặc những năm sau: Trong năm 2025, 02 tàu container hoạt động có hiệu quả cao và dự kiến tiếp tục có kết quả kinh doanh tốt trong thời gian tới nên Công ty sẽ giữ lại để khai thác và sẽ xem xét việc bán 02 tàu này vào thời điểm phù hợp trong những năm sau.

Thực hiện kế hoạch đầu tư/thanh lý tàu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2025

Bán hoặc Bán và thuê lại (Sale and Lease back) 01 – 03 tàu hàng rời cỡ Supramax: Công ty đã bám sát thị trường để đánh giá việc thực hiện nhưng chưa thấy phù hợp trong năm 2025.

Phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư/thanh lý các tàu nêu trên sang năm 2026 (thời gian thực hiện tới trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2027).

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

Đơn vị: VNĐ

| | | |
|----|--|-------------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế năm 2025 | 303.387.438.020 |
| 2 | Quỹ Khen thưởng | 30.000.000.000 |
| 3 | Quỹ phúc lợi | |
| 4 | Quỹ đầu tư phát triển | 146.707.438.020 |
| 5 | Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty | 680.000.000 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế 2025 sau khi phân phối | 126.000.000.000 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế còn lại từ những năm trước | 0 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế | 126.000.000.000 |
| 9 | Chia cổ tức bằng tiền mặt (9%) | 126.000.000.000 |
| | Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt | 9% |
| | Vốn điều lệ | 1.400.000.000.000 |
| 10 | Lợi nhuận để lại | 0 |

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 4. Thông qua kế hoạch năm 2026 với một số chỉ tiêu chính sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị | TH 2025 | KH 2026 | So sánh KH 2026/2025 (%) |
|-----|----------------|-----------|---------|---------|--------------------------|
| 1 | Sản lượng | 1.000 Tấn | 6.790 | 7.020 | 103,38 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 3.485 | 4.851 | 139,19 |
| | DT vận tải | | 2.108 | 2.202 | 104,45 |
| 3 | LN trước thuế | Tỷ đồng | 381 | 275,5 | 72,31 |

Kế hoạch đầu tư/thanh lý năm 2026 (thời gian thực hiện tới trước ĐHCĐ thường niên năm 2027)

1. Về kế hoạch đầu tư

1.1. Chuyển tiếp từ năm 2025 sang kế hoạch 2026

- Đóng mới và/hoặc mua resale và/hoặc mua lại tàu đã qua sử dụng dưới 08 tuổi: 04 tàu dầu sản phẩm cỡ MR, trọng tải khoảng 50.000 DWT đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam với giá tàu dự kiến ≤ 52 triệu USD/01 tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

- Đóng mới và/hoặc mua resale và/hoặc mua lại tàu đã qua sử dụng dưới 10 tuổi: 04 tàu hàng rời cỡ Ultramax, trọng tải khoảng 62.000 – 66.000 DWT, đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam với giá tàu dự kiến ≤ 40 triệu USD/01 tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

- Đóng mới và/hoặc mua resale và/hoặc mua lại tàu đã qua sử dụng dưới 15 tuổi: 02 tàu hàng rời cỡ Supramax, trọng tải khoảng 56.000 – 62.000 DWT, đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam/Philippines với giá tàu dự kiến ≤ 35 triệu USD/01 tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

- Đóng mới và/hoặc mua resale 02 tàu container, sức chở khoảng 1.000 – 2.000 Teus, với giá tàu dự kiến ≤ 35 triệu USD/01 tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

- Đầu tư mua 02 tàu container đã qua sử dụng, sức chở khoảng 1.000 – 2.000 Teus, dưới 15 tuổi đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam với giá tàu dự kiến ≤ 20 triệu USD/01 tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường để tìm kiếm, thuê thêm tàu để khai thác bằng nhiều hình thức nếu đánh giá có hiệu quả.

Đề chủ động trong hoạt động khai thác tàu container, Công ty dự kiến sẽ đầu tư thêm khoảng 700 vỏ 20' và 900 vỏ 40' với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 120 tỷ đồng.

Về kế hoạch thanh lý năm 2026 (thời gian thực hiện tới trước ĐHCĐ thường niên năm 2027)

Trong năm 2026, Công ty dự kiến sẽ thực hiện thanh lý tàu Vosco Sky. Tùy theo tình hình thực tế và kết quả kinh doanh, sẽ xem xét thanh lý tàu Lan Hạ vào cuối năm 2026 hoặc những năm sau.

Ngoài ra, Công ty sẽ xem xét phương án bán, hoặc bán và thuê lại từ 01 đến 03 tàu supramax. Đồng thời, đưa các tàu Lucky Star và Blue Star vào kế hoạch thanh lý hoặc hoán cải thành tàu container nhưng trên cơ sở đánh giá thị trường, kết quả hoạt động của các tàu này Công ty sẽ xem xét việc bán/hoán cải các tàu này vào thời điểm phù hợp trong năm 2026 hoặc những năm sau

3. Về phê duyệt chủ trương đầu tư tàu và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt dự án và quyết định đầu tư

3.1. Đối với 04 tàu hàng rời cỡ Ultramax

a) Chủ trương

Phê duyệt chủ trương đầu tư 04 tàu hàng rời cỡ Ultramax theo hình thức đóng mới và/hoặc mua resale và/hoặc mua lại tàu đã qua sử dụng dưới 10 tuổi, trọng tải khoảng 62.000 – 66.000 DWT, đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam với giá tàu dự kiến ≤ 40 triệu USD/01 tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

b) Phê duyệt dự án và quyết định đầu tư

Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt dự án, quyết định đầu tư và thực hiện các công việc có liên quan để hoàn tất việc đầu tư tàu, đảm bảo tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ của VOSCO và quy định pháp luật có liên quan.

3.2. Đối với 04 tàu dầu sản phẩm cỡ MR

a) Chủ trương

Phê duyệt chủ trương đầu tư 04 tàu dầu sản phẩm cỡ MR theo hình thức đóng mới và/hoặc mua resale và/hoặc mua lại tàu đã qua sử dụng dưới 08 tuổi, trọng tải khoảng 50.000 DWT, đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam với giá tàu dự kiến ≤ 52 triệu USD/01 tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

b) Phê duyệt dự án và quyết định đầu tư

Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt dự án, quyết định đầu tư và thực hiện các công việc có liên quan để hoàn tất việc đầu tư tàu, đảm bảo tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ của VOSCO và quy định pháp luật có liên quan.

3.3. Đối với 02 tàu container

a) Chủ trương

Phê duyệt chủ trương đầu tư đóng mới và/hoặc mua resale 02 tàu container, sức chở khoảng 1.000 – 2.000 Teus với giá tàu dự kiến ≤ 35 triệu USD/01 tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

b) Phê duyệt dự án và quyết định đầu tư

Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt dự án, quyết định đầu tư và thực hiện các công việc có liên quan để hoàn tất việc đầu tư tàu, đảm bảo tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ của VOSCO và quy định pháp luật có liên quan.

3.4. Phê duyệt chủ trương thế chấp, cầm cố tài sản là các tàu nêu tại mục 3.1, 3.2 và 3.3 ở trên. Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT quyết định việc thế chấp, cầm cố tài sản, ký kết các thỏa thuận, giao dịch có liên quan đến thế chấp, cầm cố tài sản là các tàu nêu tại mục 3.1, 3.2 và 3.3 ở trên, bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của Công ty

4. Kế hoạch về cơ cấu tổ chức và công tác đầu tư vốn, thoái/giảm vốn

- Giải thể Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực VOSCO
- Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh VOSCO – Trung tâm Cung ứng thuyền viên
- Thoái vốn tại Công ty cổ phần SSV;
- Thành lập công ty con về quản lý tàu;
- Góp thêm vốn để tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần Đại lý tàu biển và Logistics VOSCO (VOSAL) từ 05 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng (*VOSCO giữ 36% vốn điều lệ*)

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 5. Đại hội nhận được Đơn từ nhiệm và đã biểu quyết tán thành việc miễn nhiệm chức vụ UV.HĐQT đối với các Ông/Bà Lê Duy Dương, Trần Thị Kiều Oanh, Nguyễn Trung Hiếu và Nguyễn Thị Thu Hoài.

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 6. Thông qua kết quả bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử và kết quả bầu cử, các Ông có tên sau đã trúng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028 với số phiếu bầu theo tỷ lệ từ cao xuống thấp:

1. Ông Mai Lê Lợi
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh
3. Ông Nguyễn Quang Dũng
4. Ông Nguyễn Đình Tú

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**

Điều 7. Thông qua quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | TH năm 2025 | KH năm 2026 |
|-----|--------------|---------|-------------|-------------|
| 1 | Thù lao HĐQT | Tr.đồng | 816 | 816 |
| 2 | Thù lao BKS | Tr.đồng | 276 | 276 |

Thù lao HĐQT và BKS đã thực hiện năm 2025 sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất năm 2026.

Đối với thù lao của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ năm 2026 là 132 triệu đồng.

Trên cơ sở diễn biến thị trường và kết quả hoạt động của Công ty, HĐQT và BKS sẽ điều chỉnh mức thù lao cho phù hợp với tình hình thực tế.

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 8. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025; thông qua danh sách 04 công ty kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 04 công ty này làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026.

- Công ty TNHH KPMG (Việt Nam);
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Tỷ lệ biểu quyết: **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; Tổng số phiếu không tán thành: **0%**; Tổng số phiếu có ý kiến khác **0%**.

Điều 9. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các Quy chế sau:

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Điều 10. Nghị quyết này được ĐHCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam nhất trí thông qua lúc 11 giờ 30 phút ngày 15/5/2026 với tỷ lệ **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, toàn thể CBCNV và các cổ đông của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Hoàng Long



VIET NAM OCEAN SHIPPING JOINT STOCK COMPANY

No 215 Lach Tray, Gia Vien Ward, Hai Phong City

Tel: 0225.3731033/3731090; Fax: 0225.3731007

E-mail: pid@vosco.vn; Website: www.vosco.vn

Enterprise code number 0200106490 issued by the Department of Planning and Investment of Hai Phong City for the first time on January 1, 2008; registered for the 17th change on August 1, 2024

No. 06/NQ-ĐHĐCĐ

Hai Phong, 15th May 2026

RESOLUTION OF THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2026

VIET NAM OCEAN SHIPPING JOINT STOCK COMPANY

Based on the Enterprise Law 2020;

Based on the Charter of Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company;

Based on the minutes of the Annual General Meeting of Shareholders 2026 dated 15/05/2026,

RESOLVED:

Article 1. Approval of the Board of Directors' activity report for 2025, the activity orientation for 2026, and the report of the Independent Board member for 2025.

Voting ratio: **100%** of the total votes of all attending shareholders in favor; Total votes against: **0%**; Total votes with other opinions: **0%**.

Article 2. Approval of the business results report for 2025 and the audited financial statements for 2025. Accordingly, some key indicators are as follows:

| No | Indicators | Unit | Year 2024 | Plan 2025 | Year 2025 | Comparison 2025 with (%) | |
|----|------------------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|--------------------------|-----------|
| | | | | | | 2024 | Plan 2025 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 2024 | Plan 2025 |
| 1 | Transport Volume | 1.000T | 6.456 | 7.500 | 6.790 | 105,17 | 90,53 |
| | Transport Work | Million Tkm | 20.656 | 20.135 | 25.026 | 121,15 | 124,29 |
| 2 | Total revenue | Billion VND | 6.050 | 6.000 | 3.485 | 57,60 | 58,08 |
| | Including, transport revenue | Billion VND | 2.152 | 1.979 | 2.108 | 97,96 | 106,51 |
| | Trading revenue | Billion VND | 3.399 | 3.800 | 983 | 29,00 | 25,87 |
| 3 | Profit before tax | Billion VND | 418 | 376 | 380,85 | 91,11 | 101,19 |

KEY INDICATORS OF THE 2025 CONSOLIDATED FINANCIAL REPORT

| No | Indicators | Value (Billion VND) |
|----|-------------------|---------------------|
| 1 | Total assets | 3.907 |
| 2 | Charter capital | 1.400 |
| 3 | Owner's equity | 2.116 |
| 4 | Total revenue | 3.485 |
| 5 | Profit before tax | 381 |
| 6 | Profit after tax | 305 |

Investment and Asset Liquidation Activities

- Purchased 03 bulk carriers, namely Vosco Starlight, Vosco Sunlight, and Vosco Jubilant. The Company has also taken delivery of 02 chemical tankers (Dai Hung, Dai Vinh) and 02 Supramax bulk carriers (Vosco Prosper, Vosco Defender) under bareboat charter arrangements.

- The Company has proactively searched for and evaluated opportunities to invest in MR-sized product tankers and container vessels with a capacity of approximately 1.000 to 2.000 TEUs.

- The Company has engaged with numerous domestic and international partners, including leasing companies from Hong Kong, China, and Malaysia, to cooperate through investment partnerships for vessel procurement and long-term bareboat chartering back to VOSCO.

- Liquidation: Successfully sold the vessels Vosco Star and Vosco Unity.

Ongoing Investment and Liquidation Plan under the 2025 Annual General Meeting Resolution

- The plan involves the newbuilding, resale purchase, and/or acquisition of 04 used MR product tankers (under 08 years of age, approximately 50.000 DWT, with a price \leq 52 million USD per vessel). *The Company is currently negotiating the newbuilding of 02 MR product tankers in South Korea, with expected delivery in the second and third quarters of 2028.*

- The plan involves purchasing 01 to 02 used container vessels (capacity of approximately 1.000 TEUs, under 15 years of age, with a price \leq 20 million USD per vessel). *The Company is currently searching for and selecting suitable vessels.*

- The plan involves the newbuilding, resale purchase, and/or acquisition of 04 used Ultramax bulk carriers (under 10 years of age, 62.000 – 66.000 DWT, with a price \leq 40 million USD per vessel). *Due to the high market prices of Ultramax vessels, the Company is carefully evaluating cash flows and market valuations to select the appropriate vessels and timing.*

- To enhance container operations, the Company planned to invest in approximately 700 units of 20-foot and 900 units of 40-foot containers. *As no additional container vessels were acquired during the year, the shortage was covered*

through leasing. Direct investment in containers will be reconsidered upon the successful acquisition of additional container vessels.

Approval is granted to adjust the timeline for the aforementioned investment plans to 2026 (implementation period valid until the 2027 Annual General Meeting of Shareholders).

The Company continues to work with credit institutions and domestic and international leasing companies to access suitable funding sources for these projects.

- Container Vessel Liquidation: Regarding the potential liquidation of 02 container vessels in 2025 or subsequent years: *As these 02 vessels operated with high efficiency in 2025 and are expected to yield positive business results in the near future, the Company will retain them for operation and reconsider a sale at a suitable time in the following years.*

Implementation of the Investment Plan under the 2025 Extraordinary General Meeting Resolution

Plan to Sell or perform a Sale and Leaseback of 01 to 03 Supramax bulk carriers. *The Company closely monitored the market but determined that execution was not appropriate during 2025.*

Approval is granted to adjust the timeline for the aforementioned investment and liquidation plans to 2026 (implementation period valid until the 2027 Annual General Meeting of Shareholders).

Approval rate: **100%** of the total voting shares of all attending shareholders; Disapproval rate: **0%**; Abstention/Other opinions rate: **0%**.

Article 3. Approval of the 2025 Profit Distribution Plan as follows:

(Unit: VND)

| | | |
|----|--|-------------------|
| 1 | Profit after tax for 2025 | 303.387.438.020 |
| 2 | Reward Fund | 30.000.000.000 |
| 3 | Welfare Fund | |
| 4 | Investment and Development Fund | 146.707.438.020 |
| 5 | Bonus Fund for the Company's Executive Management Board | 680.000.000 |
| 6 | Profit After Tax for 2025 after Appropriation to Funds | 126.000.000.000 |
| 7 | Remaining Undistributed Profit After Tax from Previous Years | 0 |
| 8 | Accumulated Undistributed Profit After Tax | 126.000.000.000 |
| 9 | Cash Dividend Payment (9%) | 126.000.000.000 |
| | <i>Cash Dividend Ratio</i> | 9% |
| | <i>Charter Capital</i> | 1.400.000.000.000 |
| 10 | Retained Earnings | 0 |

Voting ratio: **100%** of the total votes of all shareholders attending the meeting in favor; Total votes against: **0%**; Total votes with other opinions: **0%**.

Article 4. Approval of the business and production plan for 2026 with the following key targets:

| No | Indicators | Unit | Performance 2025 | Plan 2025 | Comparison of the 2026 plan/2025 performance (%) |
|----|-------------------|-------------|------------------|-----------|--|
| 1 | Transport Volume | 1.000T | 6.790 | 7.020 | 103,38 |
| 2 | Total Revenue | Billion VND | 3.485 | 4.851 | 139,19 |
| | Transport revenue | | 2.108 | 2.202 | 104,45 |
| 3 | Profit Before Tax | Billion VND | 381 | 275,5 | 72,31 |

Investment/Liquidation Plan for 2026 (Implementation period until the Annual General Meeting of Shareholders in 2027)

1. Investment Plan

1.1. Carryover from 2025 to 2026 Plan

- Newbuilding, resale purchase, and/or acquisition of used vessels under 08 years of age: 04 Medium Range product tankers, approximately 50.000 DWT, built in Japan, South Korea, China, or Vietnam, with an expected price of ≤ 52 million US Dollars per vessel. The investment capital shall be sourced from loans and the Company's equity, with the specific ratio depending on each project.

- Newbuilding, resale purchase, and/or acquisition of used vessels under 10 years of age: 04 Ultramax bulk carriers, approximately 62.000 – 66.000 DWT, built in Japan, South Korea, China, or Vietnam, with an expected price of ≤ 40 million US Dollars per vessel. The investment capital shall be sourced from loans and the Company's equity, with the specific ratio depending on each project.

- Newbuilding, resale purchase, and/or acquisition of used vessels under 15 years of age: 02 Supramax bulk carriers, approximately 56.000 – 62.000 DWT, built in Japan, South Korea, China, Vietnam, or the Philippines, with an expected price of ≤ 35 million US Dollars per vessel. The investment capital shall be sourced from loans and the Company's equity, with the specific ratio depending on each project.

- Newbuilding and/or resale purchase of 02 container vessels: Capacity of approximately 1.000 – 2.000 TEUs, with an expected price of ≤ 35 million US Dollars per vessel. The investment capital shall be sourced from loans and the Company's equity, with the specific ratio depending on each project.

- Acquisition of 02 used container vessels: Capacity of approximately 1.000 – 2.000 TEUs, under 15 years of age, built in Japan, South Korea, China, or Vietnam, with an expected price of ≤ 20 million US Dollars per vessel. The investment capital shall be sourced from loans and the Company's equity, with the specific ratio depending on each project.

In addition, the Company will continue to monitor market developments to seek and charter additional vessels through various forms if evaluated as efficient.

To proactively manage container operations, the Company plans to invest in approximately 700 units of 20-foot containers and 900 units of 40-foot containers, with an estimated total investment of approximately VND 120 billion.

Regarding the Liquidation Plan for 2026 *(Implementation period until the 2027 Annual General Meeting of Shareholders)*

In 2026, the Company expects to liquidate the vessel Vosco Sky. Depending on the actual situation and business performance, the Company will consider the liquidation of the vessel Lan Ha at the end of 2026 or in subsequent years.

Furthermore, the Company will consider options for the sale, or sale and leaseback, of 01 to 03 Supramax vessels. Simultaneously, the vessels Lucky Star and Blue Star will be included in the liquidation or container vessel conversion plan. Based on market evaluations and the operational results of these vessels, the Company will consider the sale or conversion at a suitable time in 2026 or subsequent years.

3. Regarding the Approval of Investment Policies and Authorization for the Board of Directors to Approve Projects and Investment Decisions

3.1. For 04 Ultramax bulk carriers

a) Policy

Approval of the investment policy for 04 Ultramax bulk carriers through newbuilding, resale purchase, and/or acquisition of used vessels under 10 years of age, approximately 62.000 – 66.000 DWT, built in Japan, South Korea, China, or Vietnam, with an expected price of ≤ 40 million US Dollars per vessel. The investment capital shall be sourced from loans and the Company's equity, with the specific ratio depending on each project.

b) Project Approval and Investment Decisions

Authorize the Board of Directors to approve projects, make investment decisions, and perform relevant tasks to complete vessel investments, ensuring compliance with internal regulations of Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company and relevant legal provisions.

3.2. Regarding 04 Medium Range Product Tankers

a) Policy

Approval of the investment policy for 04 Medium Range product tankers through newbuilding, resale purchase, and/or acquisition of used vessels under 08 years of age, approximately 50.000 DWT, built in Japan, South Korea, China, or Vietnam, with an expected price of ≤ 52 million US Dollars per vessel. The investment capital shall be sourced from loans and the Company's equity, with the specific ratio depending on each project.

b) Project Approval and Investment Decisions

Authorize the Board of Directors to approve projects, make investment decisions, and perform relevant tasks to complete vessel investments, ensuring compliance with internal regulations of Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company and relevant legal provisions.

3.3. Regarding 02 Container Vessels

a) Policy

Approval of the investment policy for the newbuilding and/or resale purchase of 02 container vessels, with a capacity of approximately 1.000 – 2.000 TEUs and an

expected price of ≤ 35 million US Dollars per vessel. The investment capital shall be sourced from loans and the Company's equity, with the specific ratio depending on each project.

b) Project Approval and Investment Decisions

Authorize the Board of Directors to approve projects, make investment decisions, and perform relevant tasks to complete vessel investments, ensuring compliance with the internal regulations of Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company and relevant legal provisions.

3.4. Approval of the policy to mortgage or pledge assets, specifically the vessels mentioned in sections 3.1, 3.2, and 3.3 above. Simultaneously, authorize the Board of Directors to decide on the mortgaging and pledging of assets, and to execute agreements and transactions related to the mortgaging and pledging of the vessels mentioned in sections 3.1, 3.2, and 3.3 above, ensuring full compliance with legal regulations and Company policies.

4. Plan for Organizational Restructuring, Capital Investment, and Divestment/Capital Reduction

- Dissolution of VOSCO Manpower Supply Company Limited.
- Termination of operations of the VOSCO Branch – Seafarer Supply Center.
- Divestment from SSV Joint Stock Company.
- Establishment of a subsidiary specializing in ship management.
- Capital contribution to increase the charter capital of VOSCO Shipping Agent and Logistics Joint Stock Company (VOSAL) from 05 billion Vietnam Dong to 15 billion Vietnam Dong (*with Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company maintaining 36% of the charter capital*).

Voting ratio: **100%** of the total votes of all shareholders attending the meeting in favor; Total votes against: **0%**; Total votes with other opinions: **0%**.

Article 5. The General Meeting has received Resignation Letters and has voted to approve the dismissal of the following individuals from the position of Member of the Board of Directors:

- Mr. Le Duy Duong
- Mr. Tran Thi Kieu Oanh
- Ms. Nguyen Thi Thu Hoai
- Mr. Nguyen Trung Hieu

Voting ratio: **100%** of the total votes of all shareholders attending the meeting in favor; Total votes against: **0%**; Total votes with other opinions: **0%**.

Article 6. Approval of the results for the supplementary and replacement election of members of the Board of Directors of Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company.

Pursuant to the Law on Enterprises 2020, the Charter of Organization and Operation of the Company, the Election Regulations, and the election results, the following individuals have been elected as members of the Board of Directors of Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company for the remainder of the 2023 – 2028 term, with the number of votes ranked from highest to lowest:

1. Mr. Mai Le Loi
2. Mr. Nguyen Tuan Anh
3. Mr. Nguyen Quang Dung
4. Mr. Nguyen Dinh Tu

Voting ratio: **100%** of the total votes of all shareholders attending the meeting in favor; Total votes against: **0%**; Total votes with other opinions: **0%**.

Article 7. Approval of the remuneration fund for the Board of Directors and the Supervisory Board for 2025 and the plan for 2026.

| No | Indicators | Unit | Performance 2025 | Plan 2026 |
|----|-----------------------------------|-------------|------------------|-----------|
| 1 | Board of Directors's Remuneration | Million VND | 816 | 816 |
| 2 | Supervisory Board's Remuneration | Million VND | 276 | 276 |

The remuneration for the Board of Directors and the Supervisory Board implemented in 2025 shall be recognized as operating expenses for the fiscal year 2026.

The remuneration for the Internal Audit Subcommittee is 132 million VND

Based on market developments and the Company's business performance, the Board of Directors and the Supervisory Board shall adjust the remuneration levels accordingly to reflect the actual situation.

Voting ratio: **100%** of the total votes of all shareholders attending the meeting in favor; Total votes against: **0%**; Total votes with other opinions: **0%**.

Article 8. Approval of the Report on the activities of the Supervisory Board in 2025; approval of the list of 04 audit firms and authorization for the Board of Directors to select 01 of these 04 firms as the independent auditor for the fiscal year 2026.

- KPMG Limited (Vietnam);
- Ernst & Young Vietnam Limited;
- PwC (Vietnam) Limited;
- Deloitte Vietnam Audit Company Limited.

Voting ratio: **100%** of the total votes of all shareholders attending the meeting in favor; Total votes against: **0%**; Total votes with other opinions: **0%**.

Article 9. Approval of the amendments and supplements to the Company's Charter and the following Regulations:

- Internal Regulations on Corporate Governance;
- Operating Regulations of the Board of Directors;
- Operating Regulations of the Supervisory Board.

Authorizing the Board of Directors to issue the Charter, Internal Regulations on Corporate Governance and Operating Regulations of the Board of Directors; and the Supervisory Board to issue the Operating Regulations of the Supervisory Board.

Article 10. This Resolution was unanimously approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company at 11:30 AM on May 15, 2026, with an approval rate of **100%** of the total voting shares present at the Meeting. This Resolution shall take effect from the date of signing and is binding upon the Board of Directors, the Supervisory Board, the Board of Management, all employees, and shareholders of Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company.

**ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING
OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN
(Signed and sealed)**

Hoang Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hải Phòng, ngày 15 tháng 5 năm 2026

Hai Phong, 15 May 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: Nguyễn Tuấn Anh

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 17/08/1991

4/ Nơi sinh/Place of birth: Xã Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội/ Police Department on Administrative Management of Social Order

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence

9/ Số điện/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)/ Viet Nam Ocean Shipping Joint Stock Company

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ Positions in other companies:

- Phó Giám đốc Trung tâm chuyển đổi/ Deputy Head of Transformation Center – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP/ Vietnam Maritime Corporation - Joint Stock Company

- Thành viên HĐQT/ Member of Board of Directors – Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh/ Nghe Tinh Port - Joint Stock Company.

14/ Số CP nắm giữ: 14.000.000 CP chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares 0, accounting for 0% of charter capital, of which:

+ Đại diện (Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP) sở hữu/ Owning on behalf of (the State/strategic investor/ Other organisation): 14.000.000 CP

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: 0 CP

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*: Không/ No

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant*:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – *gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu*.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

| Stt No | Mã CK | Họ tên Name | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp date of issue | Nơi cấp place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu u sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu u cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) |
|--------|-------|------------------|--|--|---|--|-------------------------|------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 1 | | Nguyễn Tuấn Anh | | Thành viên HĐQT / Member of Board of Directors | | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management of Social Order | | 14.000.000 | 10% | 15/5/2026 | | Được bầu là thành viên HĐQT ngày 15/5/2026, /Board Member (elected May 15, 2026); | |
| 2 | | Nguyễn Thu Huyền | | | Vợ/ Wife | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management of Social Order | | | | 15/5/2026 | | | |

| | | | | | |
|---|--------------------|------------------------|----------|--|---------------|
| 3 | Nguyễn Phương Linh | Con/ Child | CCC D | Bộ Công An/ Ministry of Public Security | 15/5/20 26 |
| 4 | Nguyễn Phương Thảo | Con/ Child | CCC D | Bộ Công An/ Ministry of Public Security | 15/5/20 26 |
| 5 | Nguyễn Ích Tuấn | bố đẻ/ Father | CCC D | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Departm ent on Administr ative Manage ment of Social Order | 15/5/20 26 |
| 6 | Lê Thị Nguyệt | mẹ đẻ/ Mother | CCC D | Bộ Công An/ Ministry of Public Security | 15/5/20 26 |
| 7 | Nguyễn Việt Anh | Em traí/ Brother | CCC D | Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG Về dân cư/ Police Departm ent for Residenc e Registrati on and Manage | 15/5/20 26 |

010
NG
PH
AI
INA
5 HA

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /DECLARANT



Nguyễn Tuấn Anh





Mẫu 2: BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC (người có liên quan có nghĩa vụ cung cấp thông tin cho người nội bộ tại mục 16 mẫu này). Trường hợp có thay đổi thông tin đã cung cấp, người nội bộ và người có liên quan cần báo báo kịp thời đến tổ chức niêm yết, SGĐCK.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hải Phòng, ngày 15 tháng 5 năm 2026
Hai Phong, May 15 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: Nguyễn Quang Dũng

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 15/12/1974

4/ Nơi sinh/Place of birth: Xã Quyết Thắng, Huyện Đông Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên/ *Quyết Thang Commune, Dong Hy District, Thai Nguyen Province*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội/ *Police Department on Administrative Management of Social Order*

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)/ *Viet Nam Ocean Shipping Joint Stock Company*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of Board of Directors*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions in other companies*:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang - *Member of Board of Directors of Vinalines Nha Trang Joint Stock Company*;

- Trưởng Ban Pháp chế và quản trị rủi ro Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP - *Head of Legal and Risk Management Department, Vietnam Maritime Corporation – JSC.*

14/ Số CP nắm giữ: 14.000.000 CP chiếm 10,00% vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 0, accounting for 0% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP) sở hữu/ *Owning on behalf of (Vietnam Maritime Corporation – JSC): 14.000.000 CP*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual: 0 CP*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Other owning commitments (if any): Không/ No*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant:*

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – ***gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.***

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

| Stt No. | Mã CK | Họ tên Name | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp date of issue | Nơi cấp place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) |
|---------|-------|-------------------|--|--|---|--|-------------------------|------------------------|---|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 1 | VOS | Nguyễn Quang Dũng | | Thành viên HĐQT / Member of Board of Directors | | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management of Social Order | | 14.000.000 | 10,00% | 15/05/2026 | | Được bầu làm TV HĐQT ngày 15/05/2026/ Elected as member of the Board of Directors from 15/05/2026 | Là người Đại diện 10% vốn của Tổng Cty Hàng hải VN/ Representing 10% of the capital of VIMC |
| 2 | VOS | Đào Thị Thu Thành | | | Vợ/Wife | | | | | | | | | | | Đã mất/ Passed away |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|-----|----------------------|--|--|------------------------|------|--|--|--|--|--|--|-----------|--|--|--------------------|
| | | | | | | | | | Management of Social Order | | | | | | | |
| 7 | VOS | Nguyễn Quang Huy | | | Anh trai/Older Brother | | | | | | | | | | | Đã mất/Passed away |
| 8 | VOS | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | | | Em gái/Younger Sister | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/Police Department on Administrative Management of Social Order | | | | 15/5/2026 | | | |
| 9 | VOS | Hoàng Đình Dũng | | | Em rê/Other-in-law | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/Police Department on Administrative Management of Social Order | | | | 15/5/2026 | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|-----|--|--|--|--------------------------------|----------|------------|-----------|---|---|--|--|------------|--|--|-------------------------------|
| 10 | VOS | Đào Thành Anh | | | Bố vợ/ <i>Father-in-law</i> | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ <i>Police Department on Administrative Management of Social Order</i> | | | | 15/5/2026 | | | |
| 11 | VOS | Nguyễn Thị Út | | | Mẹ vợ/ <i>Mother-in-law</i> | | | | | | | | | | | Đã mất/ <i>Passed away</i> |
| 12 | VOS | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC)/ <i>Vietnam Maritime Corporation – JSC</i> | Trưởng Ban Pháp chế và Quản trị rủi ro/ <i>Head of Legal and Risk Management Department</i> | Tổ chức có liên quan/ <i>Related Organization</i> | | GCN ĐKDN | 0100104595 | 10/7/2025 | Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>The Department of Planning and Investment, Hanoi City</i> | 01 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam/ <i>No. 1 Dao Duy Anh, Kim Lien Ward, Hanoi City, Viet Nam</i> | | | 05/2018 | | | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i> |
| 13 | VOS | Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang/ <i>Vinalines</i> | Thành viên Hội đồng quản trị/ <i>Relat</i> | Tổ chức có liên quan/ <i>Relat</i> | | GCN ĐKDN | 4201556242 | 24/4/2013 | Sở KH&ĐT Khánh Hòa/ <i>The Department of</i> | 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố | | | 15/05/2026 | | | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i> |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|---|--------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | <i>Nha Trang Joint Stock Company</i> | | <i>Membe r of Board of Directo rs</i> | <i>ed Orga nizati on</i> | | | | <i>Planning and Investme nt, Khanh Hoa</i> | <i>Nha Trang, tinh Khanh Hoa/ 34 Tran Phu Street, Vinh Nguyen Ward, Nha Trang City, Khanh Hoa Province</i> | | | | | | |
|--|--|--|--|---|--------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|




17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Không/ None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không/ None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /DECLARANT



Nguyễn Quang Dũng



Mẫu 2: BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC (người có liên quan có nghĩa vụ cung cấp thông tin cho người nội bộ tại mục 16 mẫu này). Trường hợp có thay đổi thông tin đã cung cấp, người nội bộ và người có liên quan cần báo báo kịp thời đến tổ chức niêm yết, SGĐCK.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hải Phòng, ngày 15 tháng 5 năm 2026
Hai Phong, May 15 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - *The State Securities Commission;*
- *The Stock Exchange.*

1/ Họ và tên /Full name: MAI LÊ LỢI

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 01/5/1973

4/ Nơi sinh/Place of birth: Quảng Ninh, Việt Nam/ *Quang Ninh Province, Viet Nam*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội/ *Police Department on Administrative Management of Social Order*

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)/ *Viet Nam Ocean Shipping Joint Stock Company*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên HĐQT độc lập/ *Indipendent member of Board of Directors*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions in other companies*: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VIMC Logistics – *Chairman of VIMC Logistics., JSC*

14/ Số CP nắm giữ: 0 CP chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 0, accounting for 0% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/ *Owning on behalf of (the State/strategic investor/ Other organisation)*: 0 CP

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: 0 CP

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*: Không/ No

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant*:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – ***gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.***

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

| Stt No. | Mã CK | Họ tên /Name | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account | Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with the Company/ internal person | Loại hình Giấy NSH (*) (CMN D/Pass port/Giấy ĐKKD) / Type of document (ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp/ Date of issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address / Head office Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percent age of share owners hip at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ / Starting time of related person of insider | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ / Time to end of related person of insider | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) / Reasons when arising changes related to sections of 13&14 | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**)/ Note |
|---------|-------|--------------|--|---|---|--|-------------------------|-------------------------|---|--|---|---|--|--|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 1 | V OS | Mai Lê Lợi | | Thành viên HĐQT độc lập/ Independent member of Board of Directors | | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management | | | | 15/05/2026 | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--------------------------|--|--|---------------|------|--|--|--|--|--|--|----------------|--|--|--|
| | | | | | | | | | <i>of Social Order</i> | | | | | | | |
| 1.1 | | Nguyễn Hương Giang | | | Vợ/ Wife | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Depart ment on Admini strative Manag ement of Social Order | | | | 15/05/20 26 | | | |
| 1.2 | | Mai Lê Đăng Khoa | | | Con/ Child | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Depart ment on Admini strative Manag ement of Social Order | | | | 15/05/20 26 | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|-----|-------------------|--|--|-------------------------|------|--|--|--|--|--|------------|--|---------------------------------|
| 1.3 | Mai Lê Khánh Linh | | | Con/ Child | CCCD | | | Bộ Công An/ Ministry of Public Security | | | 15/05/2026 | | |
| 1.4 | Mai Văn Phong | | | bố đè/ Father | | | | | | | | | Đã mất năm 1997/ Passed away |
| 1.5 | Lê Bích Liên | | | mẹ đè/ Mother | | | | | | | | | Đã mất năm 2013/ Passed away |
| 1.6 | Mai Lê Thành | | | Anh trai/ Brother | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management of Social Order | | | 15/05/2026 | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|----------------|--|--|--------------------|------|--|--|--|--|--|--|------------|--|--|--|
| 1.7 | Mai Tố Nga | | | Chị gái/ sister | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management of Social Order | | | | 15/05/2026 | | | |
| 1.8 | Mai Thanh Hằng | | | Chị gái/ sister | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management of Social Order | | | | 15/05/2026 | | | |
| 1.9 | Mai Tuyết Loan | | | Chị gái/ sister | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management | | | | 15/05/2026 | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|-----------------------|--|--|-----------------------------|------|--|--|--|--|--|--|----------------|--|--|--|
| | | | | | | | | | <i>of Social Order</i> | | | | | | | |
| 1.10 | | Mai Chiến Thắng | | | Anh trai/ Broth er | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Depart ment on Admini strative Manag ement of Social Order | | | | 15/05/20 26 | | | |
| 1.11 | | Mai Chiến Công | | | Anh trai/ Broth er | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Depart ment on Admini strative Manag ement of Social Order | | | | 15/05/20 26 | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------|--|--|--------------------------------|------|--|--|---|--|--|--|------------|--|--|--|
| 1.12 | Mai Lê Hoa | | | Em gái/ <i>sister</i> | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ <i>Police Department on Administrative Management of Social Order</i> | | | | 15/05/2026 | | | |
| 1.13 | Mai Tuyết Lê | | | Chị gái/ <i>sister</i> | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ <i>Police Department on Administrative Management of Social Order</i> | | | | 15/05/2026 | | | |
| 1.14 | Nguyễn Tuấn Tú | | | Bố vợ/ <i>Father in law</i> | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ <i>Police Department on Administrative Management</i> | | | | 15/05/2026 | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|------------------------|--|--|---------------------------------------|------|--|--|---|--|--|--|----------------|--|--|--|
| | | | | | | | | | <i>of Social Order</i> | | | | | | | |
| 1.15 | | Nguyễn Thị Hường | | | Mẹ vợ/ <i>Mother in law</i> | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ <i>Police Depart ment on Admini strative Manag ement of Social Order</i> | | | | 15/05/20 26 | | | |

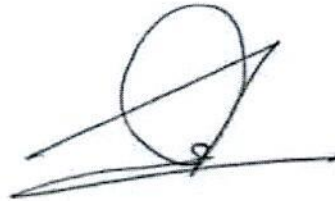


17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* Không/ No

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* Không/ No

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /DECLARANT

A handwritten signature in black ink, consisting of a large, stylized loop at the top, followed by several horizontal and diagonal strokes that form the name 'Mai Lê Lợi'.

Mai Lê Lợi



Mẫu 2: BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC (người có liên quan có nghĩa vụ cung cấp thông tin cho người nội bộ tại mục 16 mẫu này). Trường hợp có thay đổi thông tin đã cung cấp, người nội bộ và người có liên quan cần báo báo kịp thời đến tổ chức niêm yết, SGDCK.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026
Ha Noi, day 15 month 5 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - *The State Securities Commission;*
- *The Stock Exchange.*

1/ Họ và tên /*Full name*: Nguyễn Đình Tú

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 02/09/1982

4/ Nơi sinh/*Place of birth*: Hải Phòng, Việt Nam

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*:

Ngày cấp/*Date of issue*: Nơi cấp/*Place of issue*: CS ĐKQL cư trú và dữ liệu QG về dân cư/*Residence & National Population Database Facility*

6/ Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam

7/ Dân tộc/*Ethnic*: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)/ *Viet Nam Ocean Shipping Joint Stock Company*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Thành viên HĐQT / *Member of Board of Directors*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions in other companies*:

- Giám đốc VIMC Hồ Chí Minh – *Director of VIMC – Ho Chi Minh City Branch*

- Thành viên HĐQT Vitranschart - *Member of Board of Directors of Vitranschart*

14/ Số CP nắm giữ: 14.000.000 CP chiếm 10,00 % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 14.000.000, accounting for 10,00% of charter capital, of which*:



+ Đại diện (Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP) sở hữu/ *Owning on behalf of (Vietnam Maritime Corporation – JSC): 14.000.000 CP*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual: 0 CP*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): Không/ No*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant:*

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – *gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.*

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

| N o. | M ã C K | Họ tên <i>Name</i> | Tài kho án giao dịch chứ ng kho án (nế u có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình thức Giá y NSH (*) (C MN D/P assp ort/ Giá y ĐK KD) | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp date of issue | Nơi cấp place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiế u sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiế u cuối kỳ | Thờ i điể m bắt đầu là ngư ời có liên qua n của côn g ty/ ngư ời | Thờ i điể m khô ng còn là ngư ời có liên qua n của côn g ty/ ngư ời | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc khôn g có số Giấy NSH và các ghi chú khác (**) |
|---------|------------------|-----------------------|---|--|--|--|--|------------------------------------|------------------------------------|---|--|--|--|--|--|--|
|---------|------------------|-----------------------|---|--|--|--|--|------------------------------------|------------------------------------|---|--|--|--|--|--|--|

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | nội bộ | nội bộ | 16 | 17 |
|---|---|----------------------|---|--|----------------------|-------|---|---|---|----|------------|-----|------------|-----------|---|---|
| 1 | | Nguyễn Đình Tú | | Thành viên HĐQT / Member of Board of Directors | | CC CD | | | CS ĐKQL cư trú và dữ liệu QG về dân cư/ Residence & National Population Database Facility | | 14.000.000 | 10% | 15/05/2026 | | Được bầu làm TV HĐQT ngày 15/05/2026/ Elected as member of the Board of Directors from 15/05/2026 | Là người Đại diện 10% vốn của Tổng Cty Hàng hải VN/ Representing 10% of the capital of VIMC |
| 2 | | Nguyễn Thị Hậu | | | mẹ đẻ/ Mother | CC CD | | | Cục CS QLHC về TTXH/ Police Department on Administrative Management of Social Order | | | | 15/05/2026 | | | |
| 3 | | Nguyễn Thị Thanh Tâm | | | em gái/sister | CC CD | | | CS ĐKQL cư trú và dữ liệu QG về dân cư/ Residence & National Population Database Facility | | | | 15/05/2026 | | | |
| 4 | | Lê Mạnh Đức | | | em rể/brother in law | CC CD | | | CS ĐKQL cư trú và dữ liệu QG về dân cư/ Residence & National Population | | | | 15/05/2026 | | | |

10
IG
HÀ
IB
VA
IA

| | | | | | | | | | on Database Facility | | | | | | |
|---|--|---|--|--|---|-------|------------------|------------|--|--|--|--|------------|--|--------------------|
| 5 | | Nguyễn Bảo Huy | | Con/Child | | | | | | | | | 15/05/2026 | | Còn nhò/Underage |
| 6 | | VIMC chi nhánh Hồ Chí Minh/VIMC - Ho Chi Minh City Branch | | Giám đốc/Director | Tổ chức có liên quan/Relevant organizations | ĐK KD | 0100 1045 95-002 | 04/06/2003 | Sở Tài chính Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Department of Finance | 163 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh/163 Nguyen Van Troi, Ward 11, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City | | | 03/2025 | | Bổ nhiệm/Appointed |
| 7 | | CTCP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam/Vitrans chart | | Thành viên HĐQT/Member of Board of Directors | Tổ chức có liên quan/Relevant organizations | ĐK KD | 0300 4487 09 | 31/12/2007 | Sở Tài chính Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Department of Finance | 428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh/428 Nguyen Tat Thanh, Xom Chieu Ward, District 4, Ho Chi Minh City | | | 03/2025 | | Bổ nhiệm/Appointed |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): Không/ No

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không/ No

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /DECLARANT



Nguyễn Đình Tú

